

Bản án số: 65/2025/HS-ST
Ngày: 17-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tố

Ông Phan Văn Đáng

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Ngọc Ánh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 11 đường T, phường P, quận T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Duy D; sinh ngày 26 tháng 7 năm 1980 tại tỉnh Quảng Ninh; số CCCD: 022080003023, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ A, khu B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1952 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1957; có vợ là Hoàng Minh T1, sinh năm 1983, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2025; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân: Sinh ra, lớn lên, học tập, lao động tự do và sinh sống tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến ngày 21/4/2025 tại trại tạm giam Công an thành phố H. Sau đó, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “ Bảo lĩnh” từ ngày 22/4/2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Phạm Trường G; sinh ngày 24 tháng 02 năm 1989 tại tỉnh Quảng Ninh; số CCCD: 022089002727, cấp ngày 20/7/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Y, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1965 và bà Phạm

Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1989-2007: Còn nhỏ, sinh sống với gia đình và đi học tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2007 đến năm 2008: Sinh viên trường Đại học M, chuyên ngành Điện mở và sinh sống tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2008 đến năm 2009: Học cơ khí Hàng hải V và sinh sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Từ năm 2009 đến năm 2010: Sinh viên trường Đại học M, chuyên ngành KCS và sinh sống tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2010 đến năm 2013: Nghỉ học, ở nhà phụ gia đình và sinh sống tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2013 đến năm 2017: Học lái xe và hành nghề lái xe tự do, tiếp tục sinh sống tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2017 đến năm 2019: Lái xe cho Công ty C3, sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2019 đến nay: Lái xe cho Công ty V1, tiếp tục sinh sống tại phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến nay tại trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt.

3. Nguyễn Thanh T3; sinh ngày 05 tháng 01 năm 1982 tại tỉnh Quảng Ninh; số CCCD: 022082010755, cấp ngày 27/07/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khu T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Trần Thị T4, sinh năm 1956; có vợ là Nguyễn Thị C1, sinh năm 1983, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1982 đến năm 1999: Còn nhỏ, sinh sống với gia đình và đi học hết lớp 7 tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 1992 đến năm 2002: Làm nghề phụ thợ xây và sinh sống tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Từ năm 2002 đến năm 2010: Làm nghề khai thác than tại M, Đ, Quảng Ninh

- Từ năm 2010 đến nay: Lao động tự do và sinh sống tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến nay tại trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt.

4. Nguyễn Ngọc P; sinh ngày 14 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh Quảng Ninh; số CCCD: 022084000825, cấp ngày 08/9/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ B, khu B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn P1 (đã chết) và bà Đào Thị Kim D1 (đã chết); có vợ là Trần Thị Kim O, sinh năm 1987, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền sự: Không;

Tiền án: 02 tiền án;

- Ngày 12/3/2007, bị cáo Nguyễn Ngọc P bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tuyên phạt 48 (Bốn mươi tám) tháng tù giam về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” theo Bản án số 28/ST ngày 12/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Ngày 03/3/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc P bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tuyên phạt 18 (Mười tám) tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 01/ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Quá trình nhân thân:

- Từ năm 1984 đến năm 1996: Còn nhỏ, sinh sống với gia đình và đi học tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh

- Từ năm 1996 đến năm 2007: Làm nghề phụ xây, phụ xe và sinh sống tại phường Đ, thành phố Đ, Quảng Ninh

- Từ năm 2007 đến năm 2010: Chấp hành án phạt tù tại trạm giam H2, Đ, Quảng Ninh về hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” theo Bản án số 28/ST ngày 12/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tuyên phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù giam.

- Từ năm 2010 đến năm 2020: Làm nghề lái xe và sinh sống tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh

- Từ năm 2021 đến năm 2022: Chấp hành án phạt tù tại trại giam S1, tỉnh Thanh Hóa về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 01/ST ngày 03/03/2021 ngày của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tuyên phạt 18 (mười tám) tháng tù giam.

- Từ năm 2022 đến nay: Làm nghề lái xe và sinh sống tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến nay tại trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, khu B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Số điện thoại: 0369095502. Có mặt.

+ Ông Vũ Thế H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ B, khu G thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Số điện thoại: 0977625223. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Cao Văn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Số điện thoại: 0912676878. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Số điện thoại: 0868697975. Vắng mặt.

+ Chị Đỗ Cẩm T5, sinh năm 2007. Địa chỉ: Tổ D, khu A phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Số điện thoại: 0896149211. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số F Xóm A, thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 0362160638. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 32 phút ngày 01/12/2024, Nguyễn Duy D được một người đàn ông tên “Ròm” sử dụng telegram tên “Hoàng phi hồng”, đăng ký số điện thoại 0944047825 liên lạc qua telegram tên "Cherry@8083" đăng ký số điện thoại 0961565289 để thuê D đón 12 người Trung Quốc không có giấy tờ, nhập cảnh Việt Nam trái phép tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để chở vào thành phố Hồ Chí Minh với giá 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), Nguyễn Duy D đồng ý. Qua trao đổi, “Ròm” cho biết, thời gian đón khách từ 01 giờ 30 phút đến 02 giờ ngày 06/12/2024, địa điểm đón khách sẽ có người khác thông báo cho D sau, D đồng ý. Nguyễn Duy D và “Ròm” thống nhất, khi D chở 12 người Trung Quốc trên vào thành phố Hồ Chí Minh thì liên hệ với “Ròm” để “Ròm” hướng dẫn trả khách và thanh toán tiền cho D, trong quá trình chở 12 người Trung Quốc trên nếu xảy ra rủi ro trên dọc đường thì “Ròm” sẽ chịu toàn bộ chi phí.

Đến khoảng 21 giờ 06 phút ngày 04/12/2024, Nguyễn Duy D được một người đàn ông sử dụng tài khoản telegram “Tiến Thịnh”, đăng ký số điện thoại 0355544033 liên lạc qua tài khoản telegram "Cherry@8083", người này hỏi D có phải là người chở khách vào thành phố Hồ Chí Minh không, D trả lời là phải, sau đó “Tiến Thịnh” thông báo cho D đón khách tại Cổng chính khu du lịch T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, D đồng ý.

Vào lúc 16 giờ 53 phút ngày 05/12/2024, Nguyễn Duy D sử dụng telegram tên tài khoản "Cherry@8083" liên hệ với Nguyễn Ngọc P qua telegram “Nguyễn Ngọc P”, đăng ký số điện thoại 0971.041.767 để thuê lại P đón 12 người Trung Quốc trên và chở vào thành phố Hồ Chí Minh với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), P đồng ý. D cho P biết thời gian đón khách khoảng 01 giờ 30 phút đến 02 giờ ngày 06/12/2024, địa điểm đón khách tại Cổng chính khu du lịch T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, P đồng ý. Sau đó, Nguyễn Duy D liên hệ với “Tiến Thịnh” và thông báo D không trực tiếp đón khách mà đã thuê người khác, đồng thời, Nguyễn Duy D trao đổi số điện thoại 0971.041.767 và biển số xe 14B-018.64 của Nguyễn Ngọc P cho “Tiến Thịnh” biết để chủ động liên hệ và bàn giao khách cho Nguyễn Ngọc P chở vào thành phố Hồ Chí Minh, “Tiến Thịnh” đồng ý.

Sau đó, Nguyễn Ngọc P sử dụng số điện thoại 0971.041.767 liên hệ với Phạm Trường G sinh năm 1989, trú tại Y, Y, Đ, Quảng Ninh qua số điện thoại 0931.219.333 để thuê Phạm Trường G đi cùng, đón 12 người Trung Quốc trên đi từ thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào thành phố Hồ Chí Minh với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), chi phí ăn uống dọc đường do P chi trả, thỏa thuận thanh toán sau chuyến đi, Phạm Trường G đồng ý.

Sau đó, Nguyễn Ngọc P tiếp tục sử dụng số điện thoại 0971.041.767 liên hệ với Nguyễn Thanh T3 qua số điện thoại 0976.347.888 thông báo cần giấy tờ xe để chở khách vào thành phố Hồ Chí Minh. Lý do, vào ngày 04/12/2024, Nguyễn Ngọc P mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) từ bạn gái của T3 và sử dụng giấy tờ xe ô tô hiệu Ford Transit, loại 16 chỗ, mang biển kiểm soát 14B-018.64 để thế chấp, do Nguyễn Thanh T3 đang giữ giấy tờ xe nên Nguyễn Ngọc P cần Nguyễn Thanh T3 đi cùng để mang theo, xuất trình khi có lực lượng chức năng kiểm tra hành chính. Ngoài ra, Nguyễn Thanh T3 muốn vào thành phố Hồ Chí Minh để đi chơi, Nguyễn Ngọc P thỏa thuận với Nguyễn Thanh T3, chi phí ăn uống dọc đường và đi lại do Nguyễn Ngọc P thanh toán, sau khi nhận tiền công chở khách thì Nguyễn Ngọc P sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) mà P đã mượn bạn gái T3, đồng thời trả cho T3 một khoản tiền tùy theo giá trị hưởng lợi từ việc Nguyễn Ngọc P được thanh toán tiền chuyến đi, Nguyễn Thanh T3 đồng ý đi cùng.

Vào lúc 23 giờ ngày 05/12/2024, Nguyễn Ngọc P lái xe ô tô hiệu Ford Transit, loại 16 (mười sáu) chỗ, mang biển kiểm soát 14B-018.64 đến đón Nguyễn Thanh T3 và Phạm Trường G tại nhà riêng của mỗi người. Sau đó, Nguyễn Ngọc P tiếp tục lái xe đến Cổng chính khu D, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để đón 12 người Trung Quốc trên. Khi Nguyễn Ngọc P lái xe gần đến Cổng chính khu du lịch T, lúc này khoảng 01 giờ 48 phút ngày 06/12/2024 thì được một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0355544033 (tự xưng tên là “Tiến”) liên hệ và hỏi Nguyễn Ngọc P “anh có phải là người đón khách đi thành phố Hồ Chí Minh không”, P trả lời “Phải”, sau đó “T7” hẹn gặp P tại Cổng chính khu D để giao khách, P đồng ý và tắt máy. Khoảng 01 giờ 55 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc P lái xe đến Cổng chính Khu D, tại đây, P được một người đàn ông lạ mặt dẫn theo 12 người Trung Quốc, không có giấy tờ, nhập cảnh Việt Nam trái phép bàn giao cho P để chở vào thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Ngọc P tiếp nhận và dẫn 12 người khách Trung Quốc trên lên xe của P và thu điện thoại của 12 người khách này để trong túi nilong. Sau đó, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G và Nguyễn Thanh T3 cùng chở 12 người khách Trung Quốc trên vào thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời Nguyễn Ngọc P sử dụng Telegram để liên hệ và thông báo cho Nguyễn Duy D biết, lúc này khoảng 02 giờ 06 phút ngày 06/12/2024.

Quá trình chở khách vào thành phố Hồ Chí Minh, lúc đầu Nguyễn Ngọc P trực tiếp lái xe, khi đến cao tốc qua địa phận thành phố Hải Phòng thì Nguyễn Ngọc P đổi cho Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T3 lái xe đến đầu địa phận tỉnh Hưng Yên thì đổi lại cho Nguyễn Ngọc P (do Nguyễn Thanh T3 bị đau chân). Khoảng 05 giờ ngày 06/12/2024, đến địa phận cao tốc C, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Ngọc P đổi cho Phạm Trường G lái xe, đồng thời Nguyễn Ngọc P lấy xôi đã được P chuẩn bị từ trước và phát cho những người trên xe ăn sáng, Nguyễn Thanh T3 hỗ trợ P chuẩn bị thức ăn cho khách, Phạm Trường G vừa lái xe vừa ăn sáng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì đến địa phận tỉnh Quảng Bình, Phạm Trường G dừng xe để Nguyễn Ngọc P mua com

trưa và phát cho những người trên xe để ăn trưa, lúc này, Phạm Trường G vẫn lái xe để Nguyễn Ngọc P và những người trên xe ăn trưa. Sau khi ăn trưa xong thì Phạm Trường G đổi cho Nguyễn Ngọc P lái xe để G ăn trưa và nghỉ ngơi.

Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc P lái xe đến cao tốc C - L thuộc địa phận xã P, thị xã P, thành phố H thì bị tổ công tác của Phòng Hướng dẫn tuần tra kiểm soát giao thông, Cục Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ tại cao tốc C4 yêu cầu dừng xe để kiểm tra giấy tờ xe và giấy tờ tùy thân của khách thì phát hiện trên xe đang chở 12 người khách Trung Quốc không có giấy tờ tùy thân, sau đó tổ công tác đã mời Nguyễn Ngọc P cùng toàn bộ những người trên xe về trụ sở Công an thành phố H để làm việc.

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G và Nguyễn Thanh T3 thực hiện hành vi tổ chức cho 12 người Trung Quốc không có giấy tờ, nhập cảnh trái phép đi từ thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào thành phố Hồ Chí Minh với động cơ, mục đích là vì vụ lợi. Sau khi trừ các chi phí, Nguyễn Duy D sẽ được hưởng lợi 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), Nguyễn Ngọc P sau khi trừ chi phí sẽ được hưởng lợi 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng), Phạm Trường G sẽ được hưởng lợi 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Đối với Nguyễn Thanh T3, sau khi kết thúc chuyến đi, P dự kiến ngoài trả nợ 10.000.000 đồng lo toàn bộ chi phí chuyến đi chơi cho Nguyễn Thanh T3 sẽ cho thêm Truyền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Tuy nhiên, do chưa hoàn thành việc chở khách, nên Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G và Nguyễn Thanh T3 chưa được thanh toán tiền.

* Vật chứng và các đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 (một) giấy kiểm định xe ô tô, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1;

- 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng E mang tên Nguyễn Ngọc P;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone Xs, số IMEI: 357237098433250 của Nguyễn Ngọc P;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, số IMEI: 869571050185693 của Nguyễn Thanh T3;

- 01 (một) giấy phép lái xe bằng C mang tên Nguyễn Thanh T3;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu S2 A53 5G, số IMEI: 353842199578491 của Phạm Trường G;

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng E mang tên Phạm Trường G;

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 16 Promax, số IMEI: 350970403656731 của Nguyễn Duy D.

* Về xử lý vật chứng: Hiện các vật chứng, đồ vật đang tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Đối với người đàn ông tên “Ròm” sử dụng tài khoản telegram “Hoàng phi hồng”, đăng ký số điện thoại 0944047825 là người sử dụng tài khoản telegram

“Hoàng phi hồng”, đăng ký số điện thoại 0944047825 liên hệ, thuê Nguyễn Duy D đón 12 người Trung Quốc không có giấy tờ, nhập cảnh Việt Nam trái phép tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để chờ vào thành phố Hồ Chí Minh với giá 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Nguyễn Duy D và “Ròm” thống nhất, khi D chở 12 người Trung Quốc trên đến thành phố Hồ Chí Minh, D sẽ thông báo cho “Ròm” biết để “Ròm” hướng dẫn trả khách và thanh toán tiền cho D, ngoài ra, trong quá trình chở khách, nếu xảy ra rủi ro trên dọc đường thì “Ròm” sẽ chịu toàn bộ chi phí. Nguyễn Duy D không rõ nhân thân, lai lịch của “Ròm”, không biết “Ròm” ở đâu, làm gì. Sau khi bị phát hiện, “Ròm” không sử dụng khoản telegram “Hoàng phi hồng”, đăng ký số điện thoại 0944047825 nữa. Ngoài ra, qua làm việc với người có thông tin đăng ký thuê bao di động 0944047825 xác định Nguyễn Hữu T6 sinh ngày 28/6/1996, căn cước công dân số 001096014745, thường trú tại tổ Đ B, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội chưa từng quản lý, sử dụng số điện thoại 0944047825, không biết người nào sử dụng số điện thoại này. Nguyễn Hữu T6 không cho người nào mượn thông tin của mình để đăng ký số điện thoại 0944047825. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố H không đủ thông tin để tiến hành điều tra, xác minh đối với “Ròm”.

Đối với người tên “T7”, sử dụng tài telegram tên “Tiến Thịnh”, đăng ký số điện thoại 0355.544.033: “Tiến” là người sử dụng số điện thoại 0355.544.033 liên hệ với Nguyễn Ngọc P để giao 12 người khách quốc tịch Trung Quốc không có giấy tờ, nhập cảnh Việt Nam trái phép tại Cổng chính khu du lịch T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Qua xác minh thông tin số điện thoại 0355.544.033 xác định chủ thuê bao là Đỗ Cẩm T5, sinh ngày 21/02/2007, trú tại tổ D, khu A phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Qua làm việc với Đỗ Cẩm T5 xác định vào đầu tháng 4/2024, T5 đến cửa hàng V2 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đăng ký mở sim điện thoại và được cấp 01 sim điện thoại. Sau đó, T5 sử dụng sim vào điện thoại để đăng ký các gói cước khuyến mãi data (dung lượng để sử dụng mạng internet) để truy cập vào các trang mạng xã hội như Facebook, Z, Y, Tik T8..., tuy nhiên, sim điện thoại chỉ có dung lượng tối đa 1GB/ngày (một Gygabyte trên ngày) không đảm bảo dung lượng để T5 sử dụng nên T5 chỉ sử dụng sim điện thoại trên một ngày, sau đó không sử dụng nữa và cất sim điện thoại phía sau ốp lưng điện thoại, tuy nhiên, trong quá trình bảo quản thì T5 đã đánh rơi sim điện thoại trên. T5 không nhớ sim điện thoại mà T5 đã thất lạc có phải là số điện thoại 0355.544.033 hay không, T5 không biết ai là người sử dụng số điện thoại 0355.544.033, từ trước đến nay, T5 không cho bất kỳ người nào mượn thông tin của mình để đăng ký số điện thoại 0355.544.033. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không đủ thông tin, tài liệu để điều tra, xác minh về “T7”.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G và Nguyễn Thanh T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSTPH-P1 ngày 24/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy D từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến ngày 21/4/2025.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc P từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trường G từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T3 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu, hóa giá, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1; 01 (một) giấy kiểm định xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B- 018.64 mang tên Vũ Thế H1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện đối với xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1;

- Tịch thu, hóa giá, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone Xs, số IMEI: 357237098433250 của Nguyễn Ngọc P; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, số IMEI: 869571050185693 của Nguyễn Thanh T3; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu S2 A53 5G, số IMEI: 353842199578491 của Phạm Trường G; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 16 Promax, số IMEI: 350970403656731 của Nguyễn Duy D.

- Trả lại cho bị cáo tên Nguyễn Ngọc P 01 (một) giấy phép lái xe hạng E mang tên Nguyễn Ngọc P;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T3 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Thanh T3; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng E mang tên Phạm Trường G.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Trường G 01 (một) Giấy phép lái xe hạng E mang tên Phạm Trường G.

[3]. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 trình bày lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 17 giờ 32 phút ngày 01/12/2024, Nguyễn Duy D thuê một đối tượng không rõ lai lịch, địa chỉ có tên là “Ròm” thông qua telegram và được “Ròm” thuê chở 12 người Trung Quốc không có giấy tờ, nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi từ thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào thành phố Hồ Chí Minh với chi phí trọn gói là 120.000.000 đồng. D đã thuê lại Nguyễn Ngọc P với chi phí trọn gói là 60.000.000 đồng. P tiếp tục thuê lại Phạm Trường G với giá 4.000.000 đồng và rủ Nguyễn Thanh T3 đi cùng để thay nhau lái xe, P dự kiến ngoài các chi phí cho chuyến đi sẽ cho T3 thêm 1.000.000 đồng. Vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 06/12/2024, khi Nguyễn Ngọc P lái xe trên đường C - L thuộc địa phận xã P, thị xã P, thành phố H thì bị phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên, các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Duy D là người trực tiếp nhận chở khách nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G và bị cáo Nguyễn Thanh T3 phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là các đồng phạm thực hành.

Do đó, Cáo trạng số 26/CT-VKSTPH-P1 ngày 24/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài mà còn gây mất ổn định xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3 đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc tổ chức cho 12 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là vi phạm luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn kiếm tiền trang trải cuộc sống nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Duy D, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự;

Bị cáo Nguyễn Ngọc P có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3 không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, bản thân bị cáo đang điều trị bệnh HIV, vợ bị cáo đang điều trị bệnh thận giai đoạn 5 nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nguyễn Ngọc P được hưởng thêm tình tiết giảm giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D có người thân có công với cách mạng và con của bị cáo D đang bị bệnh ung thư tuyến giáp nên được hưởng thêm tình tiết giảm giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố cho các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý đồ vật, tài liệu, vật chứng sau đây:

- Đối với 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1, 01 (một) giấy kiểm định xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B- 018.64 mang tên Vũ Thế H1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện đối với xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1; là phương tiện các bị cáo Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 sử dụng vào việc phạm tội. Anh Vũ Thế H1 không biết việc này, anh H1 đã bán lại xe ô tô này cho chị Trần Thị Kim O là vợ của bị cáo Nguyễn Ngọc P nhưng chưa sang tên, và chị O đưa xe này cho bị cáo P để chở khách kiếm tiền trang trải cuộc sống, không biết bị cáo P sử dụng xe ô tô này để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu, hóa giá, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1, 01 (một) giấy kiểm định xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B- 018.64 mang tên Vũ Thế H1, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện đối với xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone Xs, số IMEI: 357237098433250 của Nguyễn Ngọc P; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, số IMEI: 869571050185693 của Nguyễn Thanh T3; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu S2 A53 5G, số IMEI: 353842199578491 của Phạm Trường G; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 16 Promax, số IMEI: 350970403656731 của Nguyễn Duy D là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng E mang tên Nguyễn Ngọc P; 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Thanh T3; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng E mang tên Phạm Trường G; là Giấy tờ tùy thân của các bị cáo, nên cần trả lại cho các bị cáo;

[7]. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy D, Nguyễn Ngọc P, Phạm Trường G, Nguyễn Thanh T3 phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

[2]. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy D 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2024 cho đến ngày 21/4/2025.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc P 05 (năm) năm 01 (một) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trường G 05 (năm) tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T3 05 (năm) tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/12/2024.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tuyên xử:

- Tịch thu hóa giá, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1; 01 (một) giấy kiểm định xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B- 018.64 mang tên Vũ Thế H1; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện đối với xe ô tô hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 14B-018.64 mang tên Vũ Thế H1.

- Tịch thu hóa giá, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone Xs, số IMEI: 357237098433250 của Nguyễn Ngọc P; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, số IMEI: 869571050185693 của Nguyễn Thanh T3; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu S2 A53 5G, số IMEI: 353842199578491 của Phạm Trường G; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 16 Promax, số IMEI: 350970403656731 của Nguyễn Duy D.

- Trả lại cho bị cáo tên Nguyễn Ngọc P 01 (một) giấy phép lái xe hạng E mang tên Nguyễn Ngọc P;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T3 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Thanh T3.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Trường G 01 (một) Giấy phép lái xe hạng E mang tên Phạm Trường G.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố Huế, có đặc điểm mô tả như tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày

29/4/2025 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố H và Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Nguyễn Duy D, bị cáo Nguyễn Ngọc P, bị cáo Phạm Trường G, bị cáo Nguyễn Thanh T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- Trại tạm giam CA thành phố Huế;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT CA thành phố Huế;
- CQ THAHS CA thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Đào Vi

